TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm Nhân dân: - Ông Phạm Xuân Thọ;

- Ông Phùng Đình Bàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích N - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án Nhân dân thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Số nhà 18, đường Hoàng Quốc V, phường Trưng T, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

Bị đơn: Anh Đỗ Đức B, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Phố Tân T, phường S, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23 tháng 10 năm 2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Đức B trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/9/2012 tại Uỷ ban nhân dân phường S, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh B tại phường S, thành phố K. Đến năm 2014 vợ chồng về ở tại nhà bố mẹ chị V ở phường Trưng T, thành phố Y. Quá trình chung sống, thời gian đầu B cảm vợ chồng hạnh phúc,

đến cuối năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau, có lần anh B đã đánh chị. Tháng 8/2018 chị đã làm đơn xin ly hôn anh B được Tòa án thụ lý giải quyết và chị đã rút đơn xin ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi vợ chồng về đoàn tụ B cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn cãi nhau, anh B đã đánh vỡ xương mũi của chị. Vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ B cảm từ tháng 10/2019 đến nay. Chị xác định B cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Bị đơn anh Đỗ Đức B tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại bản tự khai anh B trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị V về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng ở cùng gia đình anh và gia đình chị V như chị V trình bày. Quá trình chung sống, thời gian đầu B cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, do chị V không chỉn chu với gia đình. Anh xác định vẫn còn B cảm với chị V anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Chị V và anh B có một con chung là cháu Đỗ Giáng N, sinh ngày 01/6/2013. Hiện nay cháu N đang ở với anh B. Nếu ly hôn chị V và anh B đều yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về thu nhập: Chị V đang đi làm thuê thu nhập trung bình từ 5.000.000đ – 7.000.000đ/ tháng. Còn anh B làm nghề sửa chữa xe ô tô thu nhập trung bình khoảng 20.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ, công sức: Chị V và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng V giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn và thay đổi về con chung chị để anh B nuôi dưỡng con chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 57,58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng V được ly hôn anh Đỗ Đức B; về con chung: Giao cháu Đỗ Giáng N, sinh ngày 01/6/2013 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài

sản chung; tài sản riêng; vay nợ; công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Toà án T hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng V kết hôn với anh Đỗ Đức B trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn, do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Tháng 8/2018 chị V làm đơn xin ly hôn anh B tại Tòa án nhân dân thành phố K, sau khi được Tòa án phân tích giải thích nên chị V đã rút đơn ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi về đoàn tụ thì B cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn cãi cọ, đánh nhau, anh B đã đánh vỡ mũi của chị V. Anh chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ B cảm từ tháng 10/2019 cho đến nay. Tòa án đã thông báo cho anh B đến Tòa án nhân dân thành phố K để Tòa án T hành hòa giải nhưng anh B không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện việc anh B xin đoàn tụ là không thực tâm, anh B không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Do vậy xác định mâu thuẫn giữa chị V và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Chị V và anh B có một con chung là cháu Đỗ Giáng N, sinh ngày 01/6/2013, hiện nay cháu đang ở với anh B. Quá trình giải quyết vụ án chị V và anh B đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị V thay đổi chị đồng ý để anh B trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy hiện nay chị V đang đi làm thuê, phải thuê nhà không có chỗ ở ổn định, còn anh B có nhà ở ổn định, có thu nhập đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do vậy cần giao cháu N cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; công sức: Chị V và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Hồng V được ly hôn anh Đỗ Đức B.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Đỗ Giáng N, sinh ngày 01/6/2013 cho anh Đỗ Đức B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0006631 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, chị V đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân TP K;
- Chi cục THADS thành phố K;
- Các đương sự ;
- UBND phường S (ĐKKH năm 2012);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Đường